

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

### 1. Thông tin chung về HP

<b>1.1. Mã học phần:</b> 1010302	<b>1.2. Tên học phần:</b> DẪN LUẬN NGÔN NGỮ HỌC
<b>1.3. Ký hiệu học phần:</b>	<b>1.4. Tên tiếng Anh:</b> INTRODUCTION TO LINGUISTICS
<b>1.5. Số tín chỉ:</b>	02
<b>1.6. Phân bố thời gian:</b>	
Lý thuyết:	30 tiết
Tự học:	60 tiết
<b>1.7. Các giảng viên phụ trách học phần:</b>	
- Giảng viên phụ trách chính:	ThS. Lại Thị Minh Đức
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	TS. Trần Văn Tiếng TS. Hoàng Kim Oanh TS. Phan Thanh Bảo Trân TS. Nguyễn Hoàng Phương ThS. Chung Quốc Phong ThS. Phạm Thị Thu Hà ThS. Trần Thị Thúy An ThS. Võ Tuấn Vũ
<b>1.8. Điều kiện tham gia học phần:</b>	
- Học phần tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	Không
<b>1.9. Đơn vị phụ trách học phần:</b>	Tổ VNH & Tiếng Việt
<b>1.10. Ngành đào tạo:</b>	Ngoại ngữ, Đông Phương học

### 2. Mục tiêu HP

#### 2.1. Mục tiêu chung

Môn học giúp người học có những hiểu biết cơ bản về nguồn gốc, bản chất, chức năng của ngôn ngữ và trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, cần thiết về ngôn ngữ học như: từ vựng, ngữ âm, ngữ pháp, ngữ nghĩa, phong cách... Trên cơ sở nắm được một cách hệ thống các tri thức ngôn ngữ, sinh viên có thể sử dụng ngôn ngữ chuẩn mực, vận dụng và so sánh với ngoại ngữ mình đang

học. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ phát huy kỹ năng làm việc theo cặp nhóm thái độ tích cực, chủ động để đáp ứng tốt hơn công việc của mình.

## 2.2. Mục tiêu HP cụ thể

### 2.2.1. Về kiến thức:

- Giúp cho người học có cái nhìn tổng quan về ngôn ngữ: bản chất, chức năng và nguồn gốc ngôn ngữ, quan hệ ngôn ngữ - tư duy, văn tự, phân loại ngôn ngữ...
- Cung cấp các tri thức ngôn ngữ học nền tảng, hiểu biết về những khái niệm ngữ âm, từ vựng, ngữ nghĩa, ngữ pháp, ngữ dụng, phong cách học...
- Giúp sinh viên hiểu thêm về ngôn ngữ mẹ đẻ trong mối tương quan so sánh với ngoại ngữ chuyên ngành và ngoại ngữ 2 trong quá trình học tập và nghiên cứu.

### 2.2.2. Về kỹ năng:

- Sinh viên có thể nhận diện, mô tả và phân tích chính xác các đơn vị ngôn ngữ (âm, từ, cụm từ, câu). Qua đó, góp phần phát triển tư duy và hoàn thiện kỹ năng sử dụng ngôn ngữ.
- Biết áp dụng hệ thống kiến thức lý thuyết sâu, rộng về ngôn ngữ học vào thực tế
- Hình thành các kỹ năng làm việc theo nhóm, thuyết trình, tự nghiên cứu và tự học suốt đời.

### 2.2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Sinh viên tiếp thu kiến thức một cách chủ động bằng việc tích cực tham dự bài giảng, tự tìm và đọc tài liệu, cập nhật thông tin (biết tìm kiếm và chọn lọc thông tin từ thư viện và internet), chuẩn bị và tham gia thảo luận chuyên đề. Sinh viên có thể nâng cao ý thức gìn giữ sự trong sáng của tiếng Việt và phát triển các kỹ năng ngôn ngữ của bản thân.

## 3. Chuẩn đầu ra của HP

**Bảng 3.1. Chuẩn đầu ra (CĐR) của HP**

Sau khi học xong học phần, sinh viên có khả năng:

Ký hiệu CĐR HP	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Hiểu biết tổng quan về ngôn ngữ: nguồn gốc, bản chất, đặc điểm, cơ cấu, chức năng của ngôn ngữ, phân loại ngôn ngữ theo nguồn gốc và loại hình.
CLO2	Hiểu biết cơ bản về ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng tiếng Việt, phong cách ngôn ngữ, trên cơ sở đó có thể liên hệ được với ngoại ngữ mình đang học.
CLO3	Có khả năng tự phân tích các vấn đề ngữ âm, hình thái cấu trúc của từ và thành phần ngữ pháp của câu. Biết lý giải các hiện tượng ngôn ngữ: biến đổi ngữ âm, biến đổi ngữ nghĩa, hiện tượng trộn mã, chuyển loại...
CLO4	Thông qua môn học, sinh viên biết cách tìm kiếm thông tin, tổng hợp, phân tích, so sánh mô tả nhằm lĩnh hội và phát triển kiến thức, kỹ năng ngôn ngữ.
CLO5	Rèn luyện ý thức chủ động, tích cực trong việc đáp ứng các yêu cầu học tập. Phát triển các kỹ năng cá nhân: sử dụng ngôn ngữ thuyết trình; làm việc nhóm, kỹ năng vi tính...
CLO6	Sinh viên có tinh thần tự học hỏi, tìm tòi, sáng tạo cái mới và trung thực trong học tập.

CLO7	Tăng cường niềm yêu thích của sinh viên đối với ngôn ngữ học nói chung và ngoại ngữ chuyên ngành
CLO8	Sinh viên có thể áp dụng những kiến thức ngôn ngữ học vào thực tế công việc và đời sống.

#### 4. Mối liên hệ giữa CDR HP (CLO) với CDR CTĐT (PLO)

Mức độ đóng góp của CLO vào PLO được xác định cụ thể:

**Bảng 4.1. Mối liên hệ của CDR HP (CLO) đến CDR của CTĐT (PLO)**

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO 1	M	M	H	L	L	-	L	M	M	L
CLO 2	M	M	M	L	L	-	L	M	M	L
CLO 3	M	M	M	L	L	-	L	M	M	L
CLO4	L	M	L	M	-	L	M	L	L	L
CLO5	M	M	L	M	L	L	L	M	H	M
CLO6	M	M	L	L	L	-	L	M	M	H
CLO7	H	L	L	L	-	L	M	M	M	L
CLO8	H	H	M	H	L	L	M	M	M	M

#### 5. Đánh giá HP

##### a. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP

**Bảng 5.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV ở HP**

Th/phần đánh giá		Trọng số	Hình thức đánh giá	Nội dung đánh giá	Trọng số con	PPĐG	Liên quan đến CDR	HD PP đánh giá
(1)		(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
(1) Điểm quá trình	10đ	40%	<b>A1. Chuyên cần: 1.5đ</b>	Tham gia đủ 100% số buổi	15%	Đánh giá tham gia trên lớp.	CLO6	Điểm danh trên file hoặc trên giấy
			<b>A2. Bài tập: 3.5đ</b>	A2.1. BT nhóm hoặc thuyết trình (2đ)	20%	-Đánh giá bài tập A2.1.	CLO1 CLO2 CLO3	Đánh giá bài làm của SV tại lớp.
					15%	-Đánh giá bài tập A2.2.	CLO4 CLO5 CLO6	
		<b>A3. Kiểm tra giữa kỳ: 3đ</b>	- Tuần 7 - Nội dung: các chương I -	30%	-Đánh giá kết quả bài kiểm	CLO1 CLO2	Đánh giá bài làm của SV	

				IV		tra giữa kỳ A3.	CLO3	tại lớp.
			<b>A4. Kỹ năng: 2đ</b>	- Tích cực phát biểu trong giờ học  - Thảo luận nhóm trên lớp  - Phản biện các nhóm thuyết trình	20%	Đánh giá hoạt động trong lớp.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7	-Đánh giá kết quả thảo luận.  -Đánh giá hoạt động/ phát biểu tại lớp.
(2) Điểm cuối kỳ	10đ	60%	<b>A5. Thi trắc nghiệm: 10đ</b>	- SV ôn tập theo sự hướng dẫn của GV.  - Thi trắc nghiệm (40 câu)	100%	Đánh giá cả quá trình học tập.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7	-Đánh giá quá trình học tập từ tuần 1- 10

**b. Chính sách đối với HP**

SV tham dự  $\geq 80\%$  số buổi của HP. Nếu nghỉ  $>20\%$  số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP.

**6. Kế hoạch và nội dung giảng dạy HP**

**Bảng 6.1. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của HP theo tuần**

Tuần/ Buổi (2 tiết/ b)	Các nội dung cơ bản của bài học	Số tiết (LT/T H/TT)	CDR của bài học (chương)/ chủ đề	Lqua n đến CDR	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV (*)	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 5.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	<b>CHƯƠNG I: Bản chất, chức năng và nguồn gốc của ngôn ngữ</b> 1. Bản chất của ngôn ngữ 2. Chức năng của ngôn ngữ	2	Nắm được kiến thức cơ bản về bản chất, chức năng của ngôn ngữ.	CLO1	-GV giới thiệu cách học DLNN hiệu quả  - GV sử dụng tài liệu [1] và projector để thuyết giảng.	-Tìm hiểu phương pháp tiếp cận môn học để học tập hiệu quả.  - Đọc trước Chương I (TLTK1) và các nội dung	A1

				CLO5 CLO6	-Chia nhóm, gợi ý sinh viên chủ đề thảo luận hoặc thuyết trình.  -Hướng dẫn SV cách tự học.	liên quan.  -Chia nhóm. Chọn chủ đề thảo luận hoặc thuyết trình.	
2	<b>CHƯƠNG I (tiếp)</b>  3. Một số giả thuyết giải thích nguồn gốc ngôn ngữ.  4. Ngôn ngữ là một hệ thống tín hiệu đặc biệt.  5. 12 qui luật phổ quát của ngôn ngữ	2	- Nắm được kiến thức cơ bản về bản chất, chức năng của ngôn ngữ.  -Nắm được kiến thức cơ bản về qui luật và đặc điểm của tín hiệu ngôn ngữ.	CLO1 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	- Thuyết giảng  - Hướng dẫn SV thảo luận tại lớp.  -Hướng dẫn thảo luận hoặc thuyết trình về các loại hình ngôn ngữ.	- Đọc trước Chương II (TLTK1) và các nội dung liên quan.  - Tham gia thảo luận, phát biểu ý kiến.	A1 A2.1 A4
3	<b>CHƯƠNG II: Phân loại ngôn ngữ</b>  1. Khái lược  2. Phân loại ngôn ngữ theo phương pháp so sánh lịch sử  3. Phân loại ngôn ngữ theo phương pháp so sánh loại hình	2	-Hiểu biết tổng quan về các loại hình ngôn ngữ.				
4	<b>CHƯƠNG III: Ngữ âm học</b>  1. Khái lược.  2. Cơ sở ngữ âm: 2.1. Cơ sở tự nhiên 2.1.1. Cơ sở vật lý 2.1.2. Cơ sở sinh lý học 2.2. Cơ sở xã hội  3. Phân tích ngữ âm 3.1. Âm tiết	2	-Nắm được bộ máy phát âm.  -Hiểu cơ chế tạo ra âm (nguyên âm, phụ âm).	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7	- Thuyết giảng, chia nhóm, phân công nhóm thảo luận hoặc thuyết trình về cơ sở ngữ âm và miêu tả các nguyên âm.  - Đánh giá hoạt động tự học của SV từ tuần 1-3.	- Đọc trước Chương III (TLTK1) và các nội dung liên quan.  -Thuyết trình theo sự phân công  - Lắng nghe, ghi chép, đặt câu hỏi  - Làm bài tập về miêu tả nguyên âm.	A1 A2.1 A4

5	<p><b>CHƯƠNG III: Ngữ âm học (tt)</b></p> <p>3. Phân tích ngữ âm</p> <p>3.2. Âm tố: Miêu tả và phân loại nguyên âm</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Miêu tả và phân loại phụ âm</li> <li>- Phương thức cấu âm</li> <li>- Vị trí cấu âm</li> </ul> <p>3.3. Âm vị</p>	2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân biệt âm tiết và âm tố; biết miêu tả và phân loại nguyên âm.</li> <li>- Nắm được ba phương thức cấu âm (tắc, xát, rung), vị trí cấu âm, biết miêu tả và phân loại phụ âm, phân loại âm tố, âm vị.</li> </ul>				
6	<p><b>CHƯƠNG III: Ngữ âm học (tt)</b></p> <p>3. Phân tích ngữ âm</p> <p>3.4. Các hiện tượng ngôn điệu</p> <p>3.5. Các hiện tượng biến đổi ngữ âm</p> <p>4. Chữ viết</p> <p><b>MINITEST</b></p>	2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu biết cơ bản về ngữ âm, trên cơ sở đó so sánh đối chiếu với ngữ âm mà SV đang học.</li> <li>-SV nắm được các nội dung đã học ở các chương I – IV.</li> </ul>	<p>CLO1</p> <p>CLO2</p> <p>CLO3</p> <p>CLO4</p> <p>CLO5</p> <p>CLO6</p> <p>CLO7</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuyết giảng</li> <li>- Hướng dẫn làm bài tập về miêu tả phụ âm.</li> </ul> <p>- GV cho SV làm bài tập trắc nghiệm để đánh giá hoạt động học tập của SV từ tuần 1-4.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc trước Chương III (TLTK1) và các nội dung liên quan.</li> <li>-Thuyết trình theo sự phân công</li> <li>- Lắng nghe, ghi chép, đặt câu hỏi</li> </ul> <p>-Làm bài kiểm tra nhỏ</p>	<p>A1</p> <p>A2.1</p> <p>A4</p> <p>A1</p> <p>A2</p>
7	<p><b>CHƯƠNG IV: Từ vựng – ngữ nghĩa học</b></p> <p>1. Khái luận.</p> <p>2. Khái niệm về từ.</p> <p>3. Nghĩa của từ</p> <p>3.1. Các loại ý nghĩa của từ (nghĩa ngữ pháp, nghĩa từ vựng)</p>	2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu định nghĩa về từ</li> <li>- Biết phân biệt nghĩa ngữ pháp với nghĩa từ vựng, nghĩa sở chỉ, nghĩa sở biểu và nghĩa sở dụng.</li> <li>-Hiểu cơ sở của sự phát triển</li> </ul>	<p>CLO2</p> <p>CLO4</p> <p>CLO5</p> <p>CLO6</p> <p>CLO7</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuyết giảng</li> <li>-Chia nhóm và phân công thảo luận hoặc thuyết trình về các loại ý nghĩa của từ.</li> <li>-Thực hành xác định nghĩa của từ.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc trước Chương IV (TLTK1) và các nội dung liên quan.</li> <li>-Thuyết trình theo sự phân công</li> <li>- Lắng nghe, ghi chép, đặt</li> </ul>	<p>A1</p> <p>A2.1</p> <p>A4</p>

	3.2. Sự phát triển ý nghĩa từ vựng của từ		<p>nghĩa của từ.</p> <p>-Nhận diện được ẩn dụ và hoán dụ, phân tích tác dụng và ý nghĩa của chúng.</p>		<p>- Hướng dẫn thảo luận tìm hiểu nguyên nhân và phương thức phát triển nghĩa của từ.</p> <p>- Hướng dẫn làm bài tập thực hành xác định phép ẩn dụ và hoán dụ.</p>	<p>câu hỏi</p> <p>-Làm bài tập về ẩn dụ và hoán dụ.</p>	
8	<p><b>CHƯƠNG IV (tiếp)</b></p> <p>3.3. Kết cấu nghĩa của từ</p> <p>3.4. Các quan hệ ngữ nghĩa - từ vựng</p> <p>3.5. Các lớp từ</p>	2	Nắm được kết cấu nghĩa của từ, các quan hệ ngữ nghĩa - từ vựng và các lớp từ.	CLO2 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7	<p>- Thuyết giảng và hướng dẫn làm bài tập thực hành xác định các nét nghĩa, phân biệt từ đồng nghĩa, từ trái nghĩa, từ đồng âm.</p>	<p>- Đọc trước Chương IV (TLTK1) và các nội dung liên quan.</p> <p>- Tham gia thảo luận, phát biểu ý kiến.</p>	A1 A2.1 A4
9	<p><b>KIỂM TRA GIỮA KỲ (30' hoặc 45')</b></p> <p><b>CHƯƠNG V: Ngữ pháp học</b></p> <p>1. Thuật ngữ “Ngữ pháp”</p> <p>2. Những vấn đề thuộc cú pháp học</p> <p>2.1. Cú pháp là gì?</p> <p>2.2. Kết cấu cụm từ</p> <p>2.3. Kết cấu câu</p> <p>2.4. Phân loại câu theo mục đích phát ngôn</p>	2	<p>-SV biết phân tích cấu tạo cụm từ, cấu tạo câu.</p> <p>-SV xác định và nhận diện được câu đơn, câu ghép, câu phức (phân loại theo cấu tạo).</p> <p>- SV hiểu được thế nào là câu trần thuật, câu khiến, câu hỏi, câu cảm thán, v.v...</p> <p>-SV nắm được các nội dung đã học ở các chương I – IV</p>	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6  CLO1 CLO2	<p>- GV cho SV làm bài kiểm tra để đánh giá hoạt động học tập của SV từ tuần 1-6.</p> <p>- Thuyết giảng</p> <p>- Hướng dẫn SV làm bài tập phân tích câu.</p>	<p>-Làm bài kiểm tra giữa kỳ</p> <p>- Đọc trước Chương V (TLTK1) và các nội dung liên quan.</p> <p>- Tham gia thảo luận, phát biểu ý kiến.</p>	A1 A2.1 A4  A1 A3
10	<p><b>CHƯƠNG V (tt)</b></p> <p>2. Những vấn đề thuộc cú pháp học (tt)</p> <p>2.5.Chức năng cú pháp</p>	2	- SV hiểu được các dạng thức và cách cấu tạo từ, từ loại.	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	<p>- Thuyết giảng</p> <p>- Hướng dẫn SV làm bài tập thực hành xác định hình vị, xác định phương thức</p>	<p>- Đọc trước Chương V (TLTK1) và các nội dung liên quan.</p> <p>- Thảo luận, phát biểu ý</p>	A1 A2.1 A4

	<p>2.6. Ý nghĩa ngữ pháp</p> <p>2.7. Phạm trù ngữ pháp</p> <p>3. Hình thái học (hình vị, từ loại, phương thức cấu tạo)</p>				<p>cấu tạo từ, các dạng thức từ, xác định từ loại.</p>	<p>kiến.</p> <p>- Làm bài tập thực hành.</p>	
11	<p><b>CHƯƠNG VI:</b></p> <p><b>Phong cách học</b></p> <p>1. Về thuật ngữ “phong cách”</p> <p>2. Đặc điểm của một số PCNNH</p> <p>2.1. Phong cách khẩu ngữ</p> <p>2.2. Phong cách hành chính – công vụ</p> <p>2.3. Phong cách khoa học</p>	2	<p>- Hiểu biết cơ bản về thuật ngữ “phong cách học”, vai trò của phong cách học trong việc nghiên cứu ngôn ngữ.</p> <p>- Nắm được đặc điểm cơ bản của phong cách khẩu ngữ, hành chính – công vụ và khoa học.</p>	<p>CLO4</p> <p>CLO5</p> <p>CLO6</p> <p>CLO7</p>	<p>GV hướng dẫn thuyết trình, thảo luận về các loại phong cách.</p>	<p>- Đọc trước Chương VI (TLTK1) và các nội dung liên quan.</p> <p>- Thuyết trình theo sự phân công</p> <p>- Lắng nghe, ghi chép, đặt câu hỏi</p>	<p>A1</p> <p>A2.1</p> <p>A2.3</p> <p>A4</p>
12	<p><b>CHƯƠNG VI (tiếp)</b></p> <p>2. Đặc điểm của một số PCNNH (tiếp)</p> <p>2.4. Phong cách báo chí</p> <p>2.5. Phong cách chính luận</p> <p>Ôn tập thi cuối kỳ và tổng kết</p>	2	<p>Nắm được kiến thức cơ bản về phong cách báo chí và phong cách chính luận.</p>	<p>CLO4</p> <p>CLO5</p> <p>CLO6</p> <p>CLO7</p> <p>CLO1</p> <p>CLO7</p>	<p>- Thuyết giảng</p> <p>- Hướng dẫn SV làm bài tập thực hành xác định các loại phong cách.</p> <p>- Hướng dẫn ôn tập cuối kỳ và tổng kết.</p>	<p>- Đọc trước Chương VI (TLTK1) và các nội dung liên quan.</p> <p>- SV nghe thuyết giảng, thảo luận nhóm, phát biểu ý kiến.</p> <p>- Lắng nghe, ghi chép, đặt câu hỏi</p>	<p>A1</p> <p>A2.1</p> <p>A4</p> <p>A5</p>

## 7. Học liệu:

**Bảng 7.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo**

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
	<b>Giáo trình chính</b>			
1	Trần Văn Tiếng	2019	<b>Dẫn luận ngôn ngữ học</b>	Lưu hành nội bộ



Tài liệu tham khảo				
2	Bùi Khánh Thế	1995	Nhập môn Ngôn ngữ học	NXB Giáo dục
3	Nguyễn Thiện Giáp (chủ biên), Đoàn Thiện Thuật, Nguyễn Minh Thuyết	2019	Dẫn luận ngôn ngữ học	NXB Giáo dục

**Bảng 7.2. Danh mục địa chỉ web hữu ích cho HP**

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
1	Những vấn đề chung & Từ vựng, ngữ âm, ngữ pháp	<a href="https://ngonngu.net">https://ngonngu.net</a>	28.12.2021
2	Phân tích ngữ âm (phần mềm Praat)	1. <a href="http://vns.edu.vn/v1/phoneticslab/index.php?option=com_remository&amp;Itemid=&amp;func=fileinfo&amp;id=7&amp;lang=vi">http://vns.edu.vn/v1/phoneticslab/index.php?option=com_remository&amp;Itemid=&amp;func=fileinfo&amp;id=7&amp;lang=vi</a> 2. <a href="https://www.japanese-pronunciation.com/vie/movie/accent1/">https://www.japanese-pronunciation.com/vie/movie/accent1/</a>	28.12.2021

## 8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy:

**Bảng 8.1. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP**

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1				
2				

TP.HCM, ngày 28 tháng 12 năm 2021

Trưởng khoa/Ngành

Người biên soạn

TS.Trần Văn Tiếng

ThS.Lại Thị Minh Đức

## PHỤ LỤC: RUBRIC ĐÁNH GIÁ

### Rubric 1: Đánh giá thuyết trình nhóm

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt (8đ ≤ 10đ)	Khá (6đ < 8đ)	Trung bình (4đ < 6đ)	Yếu (< 4đ)
Nội dung thuyết trình	40	Giải quyết được vấn đề và thể hiện được sự tìm tòi, nỗ lực xuất sắc	Giải quyết vấn đề đúng hướng, nhưng chưa trọn vẹn, xuất sắc	Chưa giải quyết vấn đề đúng theo yêu cầu	Lạc đề
Chất lượng bài powerpoint	30	Powerpoint trình bày khoa học, đẹp, bắt mắt, chuyển tải được nội dung thuyết trình một cách thuyết phục, thu hút.	Powerpoint chuyển tải được nội dung, nhưng trình bày chưa thật đạt.	Powerpoint chưa tận dụng được vai trò hỗ trợ cho bài thuyết trình.	Powerpoint rất sơ sài, khó nhìn, chữ không to rõ, không có hiệu ứng
Phong cách người thuyết trình	20	Nắm vững nội dung trình bày, Diễn đạt rõ ràng, lưu loát, có trọng điểm và thu hút. Có sự luân phiên và tương tác khi trình bày	Người thuyết trình nắm được các nội dung cần trình bày, kết hợp giữa các thành viên khá	Thuyết trình chưa có sự luân phiên, tương tác tích cực giữa các thành viên.	Chỉ đọc văn bản
Trả lời câu hỏi phân biện	5	Câu trả lời xác đáng, đúng trọng tâm và sắc sảo.	Trả lời đúng vấn đề, nhưng chưa trọn vẹn.	Trả lời được một phần câu hỏi.	Không trả lời được các câu hỏi.
Quản lý thời gian trong thuyết trình	5	Đúng thời gian cho phép đồng thời biết cách đi thẳng vào vấn đề trọng tâm, nổi bật nhất của bài để trình bày.	Đúng thời gian cho phép	Thuyết trình lâu hơn thời gian cho phép 5-10 phút	Thuyết trình quá lâu, GV phải ngắt giữa chừng

### Rubric 2: Đánh giá bài tập nhóm

<b>Tiêu chí</b>	<b>Trọng số (%)</b>	<b>Tốt (8đ ≤ 10đ)</b>	<b>Khá (6đ &lt; 8đ)</b>	<b>Trung bình (4đ &lt; 6đ)</b>	<b>Yếu (&lt; 4đ)</b>
Mức độ thực hiện theo yêu cầu về nội dung	40	Đủ và đúng 100%	Đủ và đúng 75%	Đủ và đúng 50%	Không thực hiện
Hình thức trình bày bài	5	Chỉnh chu và sáng tạo	Nghiêm túc	Đạt yêu cầu	Không đạt yêu cầu
Mức độ phối hợp của các thành viên trong nhóm	40	Cao	Khá cao	Vừa phải	Không phối hợp
Đảm bảo đúng thời hạn	5	Đúng hạn	Đúng hạn	Nộp trễ	Nộp trễ

### **Rubric 3: Đánh giá thảo luận**

<b>Tiêu chí</b>	<b>Trọng số (%)</b>	<b>Tốt (8đ ≤ 10đ)</b>	<b>Khá (6đ &lt; 8đ)</b>	<b>Trung bình (4đ &lt; 6đ)</b>	<b>Yếu (&lt; 4đ)</b>
Nội dung vấn đề trình bày	50	Trình bày đầy đủ, rõ ràng, thỏa đáng	Trình bày đúng trọng tâm nhưng chưa đầy đủ	Trình bày còn sơ sài, chưa giải quyết được vấn đề	Không trả lời được
Năng lực tranh luận	30	Tranh luận đúng hướng, chắc chắn, thuyết phục	Lập luận chưa thực sự vững vàng, nhưng bao quát được vấn đề	Tiếp cận được vấn đề, nhưng lý giải chưa rõ ràng	Không trả lời được
Cách trình bày	20	Diễn giải suôn sẻ, mạch lạc, tự tin, lôi cuốn	Chuyển tải được nội dung, trình bày khá tốt	Nắm vấn đề vừa phải, trình bày chưa thật chủ động	Chưa nắm được vấn đề, trình bày yếu